

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2022/HNGĐ-ST

Ngày 08-6-2022.

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Trọn.

Ông Trần Minh Út.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Trung Tính - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1983 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Trần Văn K, sinh năm 1990 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 02 năm 2022, chị Trần Thị T trình bày: Vào năm 2012 chị và anh Trần Văn K kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25 tháng 10 năm 2012. Trong quá trình chung sống giữa chị và anh K xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và vợ chồng thường xuyên cự cãi nên chị và anh K

đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2020 cho đến nay mà không đoàn tụ được. Vì cuộc sống hôn nhân giữa chị với anh K không còn hạnh phúc, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn K. Về con chung, có một người tên là Trần Văn D (giới tính nam), sinh ngày 11 tháng 7 năm 2013, con chung hiện do chị trực tiếp nuôi dưỡng nên khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng nhiều lần Tng đều vắng mặt không có lý do. Đồng thời, cũng không cung cấp lời khai, tài liệu, chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho chị T ly hôn với anh K. Giao một người con chung tên là Trần Văn D (giới tính nam), sinh ngày 11 tháng 7 năm 2013 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh K không cấp dưỡng nuôi con. Đồng thời, buộc chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc chị Trần Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn K là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn anh Trần Văn K cư trú tại ấp H, xã T, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Trần Thị T vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Trần Văn K đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Trần Thị T và anh Trần Văn K đúng theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân, chị Trần Thị T và anh Trần Văn K kết hôn và có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên hôn nhân giữa chị Trần Thị T và anh Trần Văn K là hôn nhân hợp pháp. Chị T yêu cầu ly hôn với anh K vì chị T cho rằng quá trình giữa chị T và anh K đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên thường xuyên cự cãi, hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị T và anh K đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2020 cho đến nay mà không hàn gắn, đoàn tụ được, quá trình giải quyết vụ án anh K không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị T, cũng như không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Điều đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh K đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận cho chị Trần Thị T ly hôn với anh Trần Văn K là có căn cứ đúng theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung, chị T yêu cầu được nuôi một người con chung tên là Trần Văn D (giới tính nam), sinh ngày 11 tháng 7 năm 2013. Anh K không có ý kiến phản đối về yêu cầu được nuôi con của chị T. Xét thấy, con chung do chị T là người đang trực tiếp nuôi dưỡng, do đó nhằm để ổn định về điều kiện môi trường sống và đảm bảo sự phát triển bình thường của con chưa thành niên. Từ đó, giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Chị T không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

[4] Chị Trần Thị T xác định tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có. Anh Trần Văn K không có ý kiến về những vấn đề trên nên không đặt ra xem xét.

[5] Do đó, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ để chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị Trần Thị T phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị T ly hôn với anh Trần Văn K.

2. Về con chung, giao chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng một người con chung tên là Trần Văn D (giới tính nam), sinh ngày 11 tháng 7 năm 2013. Anh Trần Văn K không cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Văn K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0017585, ngày 15 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nên chị Trần Thị T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Ủy ban nhân dân xã T, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hồng Huệ